TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/01/2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 489/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khu phố Phú T, phường Bình D, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần L, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khu phố Phú T, phường Bình D, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, bà Hà Thị Minh T là nguyên đơn trình bày: Bà Hà Thị Minh T và ông Nguyễn Trần L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê H, huyện Kim B, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lê H, tỉnh Ninh Bình) ngày 16/10/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T và ông L đã cố gắng hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện bà T và ông L đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trần L. Về con chung, quá trình chung

sống, ông L bà T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 30/5/2012 và cháu Nguyễn Trần Gia P, sinh ngày 11/01/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B và cháu Nguyễn Trần Gia P, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Trần L tại nơi cư trú, lý do ông L không có mặt tại địa chỉ trên và không có ai nhận thay văn bản. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Bình Dương xác định ông Nguyễn Trần L, sinh năm 1983 có đăng ký thường trú tại địa chỉ Số A, đường B, tổ C, khu phố Phú T, phường Bình D, thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không có sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú mới của bị đơn, nhưng nguyên đơn không cung cấp được và nguyên đơn có đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng

Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với ông Nguyễn Trần L trên Báo Thanh niên trong ba số báo liên tiếp số 346, 347, 348 vào các ngày 12, 13 và 14 tháng 12 năm 2025; phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp vào các ngày 11, 12 và 13 tháng 12 năm 2025 và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Tuy nhiên, ông L không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến đã trình bày. Đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về phía bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Minh T đối với bị đơn ông Nguyễn Trần L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 31/12/2025, nguyên đơn bà Hà Thị Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Trần L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Hà Thị Minh T và ông Nguyễn Trần L tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2017 ngày 16/10/2017 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Nguyên đơn xác định thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó, giữa bà T và ông L bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông L không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con, cả hai thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, bà T và ông L đã sống ly thân nên việc vợ chồng hàn gắn, quay về đoàn tụ với nhau là không thể thực hiện. Vì vậy, bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông L. Về phía bị đơn ông Nguyễn Trần L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông L không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

[2.3] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Minh T đối với ông Nguyễn Trần L là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông L có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 30/5/2012 và cháu Nguyễn Trần Gia P, sinh ngày 11/01/2018. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Xét thấy, bà T có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết, cháu Bảo và cháu Phát trình bày ý kiến hiện cháu Bảo và cháu Phát đang sống với bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Hà Thị Minh T trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 30/5/2012 và cháu Nguyễn Trần Gia P, sinh ngày 11/01/2018 cho bà Hà Thị Minh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm:

[7.1] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

[7.2] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 180, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Minh T đối với bị đơn ông Nguyễn Trần L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Trần L.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 30/5/2012 và cháu Nguyễn Trần Gia P, sinh ngày 11/01/2018 cho bà Hà Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm:

2.1. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà Hà Thị Minh T phải chịu số tiền là 3.497.018 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn không trăm mười tám đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

2.2 Về án phí sơ thẩm: Bà Hà Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số BLTU/25E-0036985 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực A - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TAND KHU VỰC 15

5MW270126.TL.QDBA
277

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung